

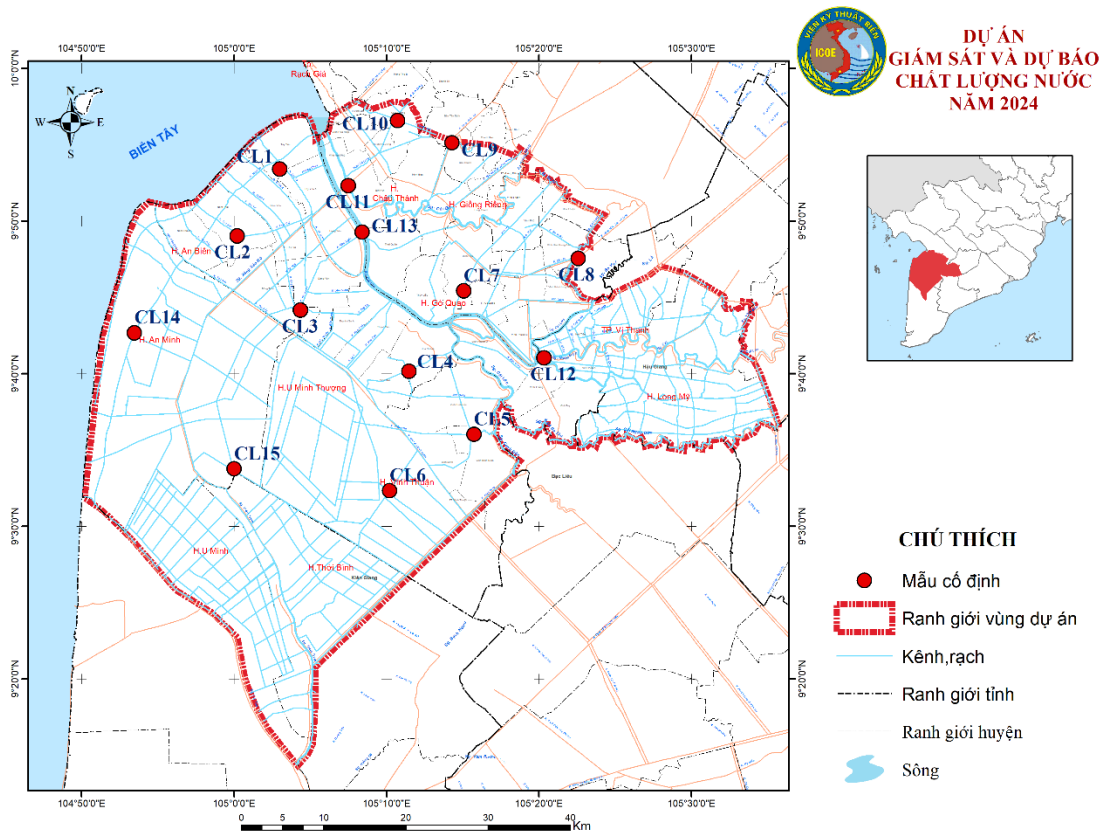
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2024

BẢN TIN TUẦN KỲ 5

“Đợt đo ngày 24/03/2024 dự báo từ ngày 31/03÷06/4/2024”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 24 tháng 03 năm 2024

Nhiệm vụ quan trắc tại 15 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2024

Bảng 1: Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 15 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	PO ₄ ³⁻	NH ₄ ⁺	NO ₂ ⁻	NO ₃ ⁻	Fe ^{TS}	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
			%	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l					MPN/ 100ml		
TT	QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1	5,5-9		50	>=4	15	30	0,3	0,9	0,05	10	1,5	7500	Chi số WQI	Khuyến cáo
	Bảng 2, mức B QCVN08-MT:2023/BTNMT	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15						≤5.000		
1	Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Già, thuộc xã Tân Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang – CL1	7,25	18,20	7,16	3,78	7,9	14,5	0,090	0,20	0,006	0,07	0,89	8400	67	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ cho tưới tiêu SXNN, độ mặn hiện nay có xu hướng tăng khá cao, tôm đang trong vụ nên cần chú ý độ mặn, chỉ tiêu DO khá thấp, không đạt quy chuẩn nên cần chú ý bổ sung thêm DO bằng cách sục khí trong các ao tôm.
2	Điểm lấy mẫu trên kênh Thứ 6 (tại vị trí cầu Nam Thái), thuộc xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang – CL2	7,71	23,60	5,48	4,97	10,5	19,4	0,056	0,20	0,006	0,09	1,19	5200	81	Theo WQI CLN đảm bảo tưới tiêu SXNN. Độ mặn hiện nay có xu hướng tăng khá cao, tôm đang trong vụ nên cần chú ý độ mặn, chỉ tiêu DO khá

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

																	xong.
9	Điểm lấy mẫu trên kênh Chung Bàu, thuộc xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang – CL9	7,02	0,20	70,05	6,08	15,2	25,1	0,015	0,82	0,14	0,32	1,94	7000	60	Theo WQI CLN ở khu vực này trung bình, đảm bảo cho mục đích SXNN. Một vài chỉ tiêu cần chú ý và có biện pháp xử lý: TSS, BOD ₅ , COD amoni, sắt tổng và coliform, do gần vị trí lấy mẫu đông dân cư và chợ, đa số người dân sống dọc kênh nên xả thải trực tiếp xuống kênh và 1 phần từ lượng phân bón hóa chất từ SXNN.		
10	Điểm lấy mẫu trên kênh xáng Giồng Riềng, thuộc xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang – CL10	7,12	0,20	81,10	4,65	12,7	20,4	0,024	0,21	0,10	0,20	3,15	4800	73	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN. Vị trí trên kênh Xáng Giồng Riềng ô nhiễm hữu cơ BOD ₅ , COD, TSS, amoni và sắt tổng khá cao do người dân thường xuyên xả thải trực tiếp xuống kênh và ảnh hưởng từ lượng phân bón từ SXNN, bên cạnh đó gần vị trí CL10 có nhà		

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

																	máy chế thủy sản nên 1 phần cũng ảnh hưởng đến CLN.
11	Điểm lấy mẫu trên sông Cái Bé (tại bến phà Tắc Cậy), thuộc xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang – CL11	7,35	10,60	7,78	3,33	13,8	25,4	0,25	1,25	0,035	0,12	1,80	21000	34	Chất lượng nước tại bến phà Tắc Cậy khá ô nhiễm: ô nhiễm hữu cơ, DO khá thấp, nitric khá cao do ảnh hưởng từ các nhà máy chế biến thủy hải sản ở khu vực xung quanh.		
12	Điểm lấy mẫu trên sông Nước Đục (tại bến phà Hòa Tiến), thuộc Xã Hòa Tiến, Tp. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang – CL12	7,33	1,60	5,94	5,07	11,7	18,2	0,19	0,15	0,044	0,12	0,97	6200	75	Chất lượng nước trên sông Nước Đục khá tốt, đa số các chỉ tiêu đều đạt quy chuẩn cho phép, đảm bảo phục vụ SXNN. Cần chú ý theo dõi độ mặn trong vài ngày tới, độ mặn hiện nay đã giảm do đợt rời vận hành cống CLCB.		
13	Điểm lấy mẫu trên sông Cái Lớn giao với kênh Năm Ngàn, thuộc xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang – CL13	7,16	10,00	≤ 4	4,92	16,5	28,7	0,16	0,24	0,11	0,28	1,87	4300	71	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN và NTTS. Cần chú ý xử lý BOD ₅ , COD, nitrite và sắt tổng trước khi cho vào các ao tôm.		

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

14	Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Nhàu giao với kênh Chông Mỹ, xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang – CL14	7,77	22,90	8,17	6,41	15,4	24,3	0,17	0,28	0,003	0,10	2,75	2800	88	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN và NTTS, có thể sử dụng cho sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý.
15	Điểm lấy mẫu trên kênh Cùg giao với kênh KT1, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang – CL15	7,28	19,80	≤ 4	5,64	14,8	25,6	0,14	0,27	0,034	0,13	3,52	3600	84	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN và NTTS, có thể sử dụng cho sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý. Cần chú ý chỉ tiêu BOD ₅ , COD và sắt tổng trước khi lấy nước vào các ao tôm.

[Ghi chú: các giá trị của chỉ số nào vượt ngưỡng cột B1 (QCVN 08MT:2015) và mức B (QCVN 08MT:2023) thì in đậm]

Thang đo đánh giá chất lượng nước theo WQI

Loại	Giá trị WQI	Chất lượng nước	Mức đánh giá chất lượng nước	Thang
I	91 – 100	Rất tốt	Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt	
II	76 – 90	Tốt	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp	
III	51 - 75	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	

IV	26 - 50	Kém	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	
V	10 – 25	Ô nhiễm nặng	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	
VI	<10	Ô nhiễm rất nặng	Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý	

2. Dự báo chất lượng nước ngày 30/3÷06/04/2024

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, NH₄⁺ từ ngày 30/3/2024 đến 06/3/2024 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 30/3÷06/04/2024 dao động trong khoảng 0,00÷22,07‰, độ mặn năm nay có xu hướng cao hơn so với năm ngoái. Độ mặn cao nhất là tại vị trí kênh Thứ 6, đây là khu vực chuyên nuôi tôm quanh năm. Với tình hình diễn biến phức tạp của độ mặn trong thời gian gần đây, công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam đã ban hành văn bản số 57/KH-TLMN-ĐBSCL ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc vận hành Cùm công Cái Lớn, Cái Bé, Xẻo Rô tháng 3/2024.

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 30/3÷06/04/2024

Kí hiệu	Độ mặn dự báo (mg/l)									
	30/03	31/03	01/04	02/04	03/04	04/04	05/04	06/04	Max	Min
CL1	17,48	17,47	15,38	15,02	14,18	13,06	13,19	13,41	17,48	13,06
CL2	21,72	21,73	21,53	22,07	21,12	21,83	20,02	19,68	22,07	20,02
CL3	10,12	10,10	10,05	10,29	10,43	10,34	10,12	9,53	10,43	10,05
CL4	5,82	5,81	5,49	5,04	3,39	3,49	6,03	6,16	6,03	3,39
CL5	5,46	5,40	4,74	3,91	4,36	4,86	5,36	5,64	5,46	3,91
CL6	9,26	9,22	8,50	9,81	9,85	9,60	9,19	7,81	9,85	8,50
CL7	1,00	1,01	1,05	1,02	1,00	1,20	1,70	2,33	1,70	1,00
CL8	0,01	0,01	0,01	0,01	0,00	0,00	0,00	0,00	0,01	0,00
CL9	0,08	0,09	0,08	0,09	0,10	0,09	0,09	0,10	0,10	0,08
CL10	0,06	0,07	0,06	0,07	0,08	0,07	0,08	0,08	0,08	0,06
CL11	2,74	2,77	2,06	2,15	2,09	1,84	1,75	1,81	2,77	1,75
CL12	1,12	1,15	1,03	0,86	0,69	0,55	0,51	0,53	1,15	0,51
CL13	10,96	10,86	9,13	8,94	9,10	9,87	9,64	9,61	10,96	8,94
CL14	20,35	20,13	20,05	20,13	20,12	20,15	20,15	20,08	20,35	20,05
CL15	15,00	14,88	14,80	14,77	14,83	15,04	15,34	15,49	15,34	14,77
Ranh mặn	<1 ‰	1‰-4‰		>4‰						

2.1.1.1. Oxy hòa tan (DO)

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 30/3÷06/04/2024

Kí hiệu	DO dự báo (mg/l)									
	30/03	31/03	01/04	02/04	03/04	04/04	05/04	06/04	Max	Min
CL1	3,96	3,92	4,02	4,00	4,00	4,00	3,97	3,97	4,02	3,92
CL2	4,82	4,86	4,88	4,82	4,76	4,79	4,77	4,68	4,88	4,76
CL3	5,72	5,75	5,30	4,86	4,56	4,19	3,72	3,56	5,75	3,72
CL4	5,00	5,01	5,06	5,10	5,13	5,13	5,07	5,08	5,13	5,00
CL5	4,92	4,94	4,81	4,62	4,41	4,24	4,11	4,04	4,94	4,11

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

CL6	4,93	4,95	4,99	4,92	4,84	4,94	5,03	5,04	5,03	4,84
CL7	4,68	4,63	4,69	4,76	4,85	4,90	4,95	5,03	4,95	4,63
CL8	4,68	4,62	4,59	4,57	4,56	4,53	4,51	4,49	4,68	4,51
CL9	4,24	4,13	5,26	5,11	4,91	4,79	4,77	4,69	5,26	4,13
CL10	5,24	5,17	5,18	5,18	5,20	5,23	5,18	5,09	5,24	5,17
CL11	4,96	4,84	4,90	5,22	5,20	5,10	5,03	4,98	5,22	4,84
CL12	5,90	5,58	5,64	5,67	5,69	5,65	5,63	5,63	5,90	5,58
CL13	5,62	5,60	5,56	5,54	5,54	5,53	5,54	5,55	5,62	5,53
CL14	5,96	5,79	5,80	5,80	5,77	5,73	5,69	5,71	5,96	5,69
CL15	5,22	5,01	4,88	4,56	4,36	4,38	4,52	4,69	5,22	4,36
QCVN 08 (Cột A1)	>=6									
QCVN 08 (Cột B1)	>=4									
Vượt cột B1	<4									

Hàm lượng DO dự báo có xu hướng cao hơn so với vào cuối tháng 3, dao động từ 3,72÷5,96 mg/l, nhiều vị trí đều đạt QCVN, đảm bảo cho bảo tồn động vật thủy sinh và NTTS, trừ vị trí trên kênh Xẻo Già-CL1, kênh Thứ 6-CL2 có DO khá thấp, nên cần chú ý bổ sung DO bằng các biện pháp sục khí khi lấy nước vào các ao tôm.

2.1.1.2. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo dao động từ 8,32÷16,42 mg/l, cho thấy chất lượng nước trong hệ thống đang bị ô nhiễm hữu cơ vượt quá khả năng làm sạch của nguồn nước. Vị trí sông Cái Bé giao với kênh Ô Môn-CL8 khá ô nhiễm hữu cơ nên cần hạn chế lấy nước cấp cho sinh hoạt và các loại rau ăn sống. Nhìn chung chất lượng nước trong hệ thống đảm bảo cơ bản cho mục đích bảo tồn động vật thủy sinh và NTTS.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 30/3÷06/04/2024

Kí hiệu	BOD ₅ dự báo (mg/l)									Max	Min
	30/03	31/03	01/04	02/04	03/04	04/04	05/04	06/04			
CL1	8,32	8,40	8,39	8,42	8,46	8,52	8,45	8,58	8,52	8,32	
CL2	12,24	12,36	12,39	12,36	12,37	11,06	11,17	11,33	12,39	11,06	
CL3	9,80	9,60	9,64	9,64	9,57	9,63	9,82	9,90	9,82	9,57	
CL4	11,24	11,11	11,78	11,82	11,89	11,96	12,11	11,14	12,11	11,11	
CL5	12,36	12,89	13,14	13,18	12,93	13,04	13,84	14,80	13,84	12,36	
CL6	11,25	11,22	11,23	11,25	11,27	11,26	11,30	11,43	11,30	11,22	
CL7	10,00	9,59	9,51	9,43	9,37	9,31	9,27	9,24	10,00	9,27	
CL8	16,25	16,42	16,03	14,96	14,47	14,06	13,99	14,12	16,42	13,99	
CL9	12,00	11,39	11,67	12,13	12,62	13,01	13,24	13,22	13,24	11,39	
CL10	11,36	11,37	11,44	11,58	11,72	11,70	11,73	11,81	11,73	11,36	
CL11	11,36	11,13	12,30	12,65	12,49	11,84	11,15	10,97	12,65	11,13	
CL12	11,69	11,96	11,93	11,87	11,74	11,52	11,18	10,72	11,96	11,18	
CL13	16,22	15,23	13,60	12,92	12,54	12,16	11,75	11,39	16,22	11,75	
CL14	16,12	16,35	13,01	10,78	10,20	10,07	10,08	10,26	16,35	10,07	
CL15	14,25	14,86	13,53	12,36	11,56	11,03	10,64	10,34	14,86	10,64	

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

QCVN 08 (Cột A1)	4
QCVN 08 (Cột B1)	15
Vượt cột B1	>15

2.1.1.3. Amoni (NH₄⁺)

Giá trị NH₄⁺_N dự báo dao động từ 0,11÷1,93 mg/l, nhiều vị trí vượt cột B1 (vị trí CL8, CL9, CL11), các vị trí còn lại dao động trong khoảng giữa cột A1 và B1, cho thấy chất lượng nước đợt này có xu hướng bị ô nhiễm dinh dưỡng ở mức trung bình nên cần chú ý theo dõi để có biện pháp xử lý trước khi lấy nước vào các ao tôm.

Bảng 5: Giá trị dự báo NH₄⁺ tại các điểm giám sát từ 30/3÷06/04/2024

Kí hiệu	Amôni dự báo (mg/l)									
	30/03	31/03	01/04	02/04	03/04	04/04	05/04	06/04	Max	Min
CL1	0,62	0,63	0,65	0,67	0,70	0,72	0,72	0,72	0,72	0,62
CL2	0,12	0,13	0,11	0,14	0,17	0,20	0,20	0,21	0,20	0,11
CL3	0,68	0,69	0,66	0,65	0,65	0,65	0,63	0,73	0,69	0,63
CL4	0,50	0,46	0,47	0,47	0,48	0,50	0,50	0,50	0,50	0,46
CL5	0,42	0,41	0,41	0,41	0,42	0,44	0,46	0,65	0,46	0,41
CL6	0,54	0,56	0,57	0,58	0,59	0,60	0,60	0,61	0,60	0,54
CL7	0,60	0,58	0,61	0,64	0,68	0,71	0,70	0,67	0,71	0,58
CL8	1,80	1,78	1,82	1,82	1,76	1,74	1,66	1,55	1,82	1,66
CL9	1,68	1,65	1,65	1,71	1,80	1,89	1,93	1,99	1,93	1,65
CL10	0,56	0,55	0,51	0,49	0,45	0,59	0,71	0,71	0,71	0,45
CL11	0,87	0,97	1,00	0,99	0,95	0,94	0,96	0,98	1,00	0,87
CL12	0,36	0,36	0,36	0,37	0,21	0,20	0,20	0,20	0,37	0,20
CL13	0,52	0,53	0,55	0,57	0,59	0,59	0,57	0,54	0,59	0,52
CL14	0,54	0,56	0,55	0,55	0,55	0,56	0,57	0,58	0,57	0,54
CL15	0,70	0,69	0,69	0,66	0,64	0,63	0,64	0,67	0,70	0,63
QCVN 08 (Cột A1)	0,3									
QCVN 08 (Cột B1)	0,9									
Vượt cột B1	>0,9									

Kết luận chung:

- Độ mặn trong cuối tháng 3 có xu hướng tăng cao tại các vị trí chuyên nuôi trồng thủy sản ở các huyện An Minh, An Biên. Trong thời gian tới độ mặn dự báo có xu hướng diễn biến phức tạp nên người dân cần chú ý theo dõi độ mặn để có chế độ lấy nước cho phù hợp.
- Kết quả dự báo DO tương đối tốt đảm bảo cho NTTS, dự báo amôni và BOD phản ảnh được xu thế ô nhiễm dinh dưỡng và hữu cơ trong hệ thống

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

thủy lợi Cái Lớn-Cái Bé, đặc biệt là vị trí trên kênh Ngang, kênh Chung Bàu, kênh Ô Môn ô, kênh Chung Bàu, kênh Xáng Giồng Riêng ô nhiễm khá cao vượt quy chuẩn. Do các kênh này tập trung đông người dân sống dọc kênh, chăn nuôi và xả nước thải trực tiếp xuống kênh và ảnh hưởng 1 phần từ các nhà máy chế biến thủy hải sản trong khu vực, nên cần chú ý theo dõi để có biện pháp xử lý kịp thời. Nhìn chung chất lượng nước trong hệ thống cơ bản vẫn đáp ứng cho mục đích NTTS và SXNN.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CTTL các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biên (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB

